TOÀ ÁN NHÂN DÂN T.X PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-DS	Phổ Yên, ngày 06 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 04 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cù Xuân O, sinh năm 1963

Bà Đỗ Thu H, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: TDP 4, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(bà H ủy quyền cho ông O tham gia tố tụng, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 7/01/2020)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: xóm H 2, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: ông Cù Xuân O, bà Đỗ Thu H (ủy quyền ông Cù Xuân O) và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T nhất trí xác định: Số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Cù Xuân O, bà Đỗ Thu H là 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba

triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

Ông O, bà H (ủy quyền ông O) không yêu cầu ông H, bà T phải trả lãi đối với khoản tiền 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T nhất trí thanh toán trả số tiền 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) cho ông Cù Xuân O, bà Đỗ Thu H. Ông O, bà H không yêu cầu trả lãi đối với khoản tiền yêu cầu thanh toán, ông H, bà T nhất trí.

2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ: ông Cù Xuân O và bà Đỗ Thu H (ủy quyền ông Cù Xuân O) và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận trả số tiền 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) như sau:

Hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2020, vào ngày 30 mỗi tháng ông H, bà T có trách nhiệm trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn) cho đến khi trả hết số nợ, tháng cuối cùng (tháng 2/2021) trả 83.430.000đ cho ông O, bà H. Tổng cộng số tiền phải trả 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

2.3. Về địa điểm trả nợ: ông H, bà T thỏa thuận có trách nhiệm trả nợ cho ông O, bà H số tiền 983.340.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2.4. Biện pháp bảo đảm thi hành án: ông O, bà H (ủy quyền ông O) và ông H, bà T nhất trí thỏa thuận: Nếu ông H, bà T vi phạm kỳ hạn thanh toán như đã thỏa thuận thì ông O, bà H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, thi hành toàn bộ khoản tiền phải thanh toán.

2.5. Lãi xuất chậm thi hành án của khoản tiền nợ: ông O, bà H và ông H, bà T thống nhất thỏa thuận tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về Án phí: ông O, bà H (ủy quyền ông O) và ông H, bà T thỏa thuận ông O chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là 20.750.000đ hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng. Ông O, bà H đã nộp tạm ứng án phí 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), biên lai thu số 0004601, ngày 8/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, ông O, bà H còn phải nộp tiếp 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Mạc Thị Hồng